

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19-4-2018
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH GIA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thế Anh

2. Bà Dương Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Cao Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Tỉnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tỉnh Gia, tỉnh Thanh Hóa
tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 19/4/2018, tại hội trường xét xử TAND huyện Tỉnh Gia, xét xử sơ
thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2018/TLST-HNGĐ ngày 13/3/2018 về “Ly
hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
08/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/3/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Cao Thị V - Sinh năm: 1986; “có mặt”

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân P - Sinh năm: 1981; “vắng mặt”

Đều có địa chỉ: Xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt chị V, vắng mặt anh P (anh P đã được tổng đạt hợp lệ
2 lần).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về hôn nhân:

- Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2018, bản tự khai ngày 19/3/2018 cũng
như tại phiên tòa chị Cao Thị V trình bày:

Chị và anh Nguyễn Xuân P tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày
29/11/2010 tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới, vợ chồng
chung sống hạnh phúc chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn.
Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan
điểm sống nên trong cuộc sống thường xuyên xảy ra va chạm. Mâu thuẫn vợ
chồng cũng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Kể từ

tháng 6 năm 2013 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân nhau. Trong suốt thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn xin được ly hôn với anh Nguyễn Xuân P.

- Tại bản biên bản lấy lời khai ngày 21/3/2018, anh Nguyễn Xuân P trình bày:

Anh và chị Cao Thị V tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Đến đầu năm 2013 thì chị V bỏ nhà đi cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn thì anh không biết lý do tại sao, chỉ biết khi đó anh đang làm ở Nghi Sơn thì chị V gọi điện cho anh bảo “Ông ở đâu về ly hôn”, anh bảo “Mày đi thì đi luôn đi”, sau đó chị V bỏ đi cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay nếu chị V làm đơn xin ly hôn, quan điểm của anh là mặc kệ chị muốn làm sao thì làm.

2. Về con chung: Hai bên đương sự thống nhất vợ chồng có 01 con chung là: Nguyễn Xuân N - Sinh ngày 01/11/2010.

- Nay ly hôn, nguyện vọng của chị V: Lâu nay cháu N đang ở với anh P thì tiếp tục giao cháu N cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Anh P có nguyện vọng là sau khi ly hôn được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N.

3. Về tài sản: Hai bên đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn là chị Cao Thị V đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; còn bị đơn anh Nguyễn Xuân P theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện quá trình giải quyết anh P đã được Tòa án triệu tập, tuy có nhận giấy nhưng anh không lần nào đến Tòa án để làm việc. Do đó Tòa án phải ủy thác cho UBND xã N tiến hành lấy lời khai của anh P cũng như cháu N và tiến hành các thủ tục khác theo quy định của pháp luật khi giải quyết vụ án.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về hôn nhân: Cho chị Cao Thị V được ly hôn anh Nguyễn Xuân P.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Xuân N - Sinh ngày: 01/11/2010 cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng của cháu N). Buộc chị V cấp dưỡng nuôi cháu N cùng anh P mỗi tháng 700.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2018 cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi.

Chị V được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, anh P không được ngăn cấm.

- Về tài sản: Hai bên đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí: Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, chị Cao Thị V có mặt tại phiên tòa và giữ nguyên quan điểm của mình theo đơn khởi kiện. Anh Nguyễn Xuân P vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình giải quyết anh P đã được Tòa án giao thông báo thụ lý và triệu tập nhiều lần đến Tòa án làm việc, tuy có nhận giấy nhưng anh không lần nào đến Tòa án để làm việc. Do đó Tòa án phải ủy thác cho UBND xã N tiến hành lấy lời khai của anh P cũng như cháu N, tiến hành các thủ tục khác theo quy định của pháp luật và tổng đạt hợp lệ 2 lần nhưng anh P vẫn không đến phiên tòa; căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Cao Thị V và anh Nguyễn Xuân P là hôn nhân hợp pháp. Bởi lẽ anh chị tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và thực hiện đầy đủ thủ tục kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị V là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống nên trong cuộc sống thường xuyên xảy ra va chạm. Còn anh P cho rằng anh không hiểu lý do gì mà chị V lại yêu cầu anh phải ly hôn. Nhưng cả 2 bên đều thừa nhận vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2013 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Nay chị V xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị thiết tha đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh P. Còn anh P có quan điểm “Nếu chị V làm đơn xin ly hôn thì muốn làm sao thì làm”.

Quá trình giải quyết vụ án chị V và anh P mỗi người nài ra một nguyên nhân mâu thuẫn khác nhau, nhưng cả 2 đều thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2013 cho đến nay, ai lo phận người đó, tình cảm vợ chồng đã hoàn toàn cắt đứt và không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm của anh, chị đã đến mức trầm trọng vì thời gian vợ chồng sống ly thân nhau dài hơn thời gian vợ chồng chung sống với nhau. Cho đến nay thời gian vợ chồng ly thân nhau mặc dù gần 5 năm nhưng anh chị vẫn mỗi người một nơi và không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Do đó xét thấy mẫu thuẫn vợ chồng đã gay gắt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét nguyện vọng ly hôn của chị V là chính đáng và có căn cứ để cho ly hôn.

[3] Về con chung: Hai bên đương sự thống nhất vợ chồng có 01 con chung là: Nguyễn Xuân N - Sinh ngày: 01/11/2010. Hiện tại, anh P đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu và anh có nguyện vọng tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Xuân N (nguyên vọng của anh P phù hợp với nguyện vọng của cháu N - khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình) cũng như phù hợp với nguyện vọng của chị V là tiếp tục giao cháu N cho P nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ những lý do nói trên nay cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Xuân N cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng và buộc chị V cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh P mỗi tháng 700.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4 năm 2018 cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi. Chị V được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, anh P không được ngăn cấm.

[4] Về tài sản: Hai bên đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5] Về án phí: Trong vụ án này, chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Dành quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Cao Thị V. Cho chị Cao Thị V được ly hôn anh Nguyễn Xuân P.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Xuân N - Sinh ngày: 01/11/2010 cho anh P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng của cháu N). Chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh P 700.000 đồng/tháng, thời gian cấp

đưỡng tính từ tháng 4 năm 2018 cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi. Chị V được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, anh P không được ngăn cấm.

- Về tài sản: Hai bên đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí: Chị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0002486 ngày 13/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia; chị V còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị V, vắng mặt anh P tại phiên tòa. Tuyên bố chị V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- Chi cục THADS huyện Tĩnh Gia;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hạnh